

PHÒNG CHỐNG THAM QUAN Ô LẠI THỜI LÊ THÁNH TÔNG: BIỆN PHÁP VÀ BÀI HỌC LỊCH SỬ

PHAN NGỌC HUYỀN *

Tóm tắt: Bài viết liệt kê và phân tích một số biện pháp phòng chống tham quan ô lại thời vua Lê Thánh Tông. Những biện pháp phòng chống tham ô của Lê Thánh Tông tuy chỉ đạt được hiệu quả nhất định, không phát huy được hiệu quả lâu dài như mong muốn song đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho công cuộc phòng chống tham nhũng, sử dụng và quản lý đội ngũ cán bộ hiện nay như: phải kết hợp hài hòa giữa “trừng tham” và “dưỡng liêm”, trong đó cần chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng chống tham nhũng; bảo đảm tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật đối với các hành vi tham ô, hối lộ; thực hiện chính sách đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ, công chức nhằm hạn chế tham ô; huy động đông đảo các tầng lớp xã hội tham gia phòng chống tham nhũng... “Ôn cố để tri tân”, cho đến nay, những bài học từ chính sách phòng chống tham quan ô lại của Lê Thánh Tông vẫn còn nguyên giá trị thời sự của nó.

Từ khóa: Lê Thánh Tông, quan lại, tham ô, hối lộ, phòng chống.

1. Một số biện pháp phòng chống quan lại tham ô của Lê Thánh Tông

Trong lịch sử Việt Nam, Lê Thánh Tông được xem là một trong những vị vua có tư tưởng phòng chống tham quan ô lại rất tích cực. Trong 38 năm trị vì (1460-1497), Lê Thánh Tông đã dành nhiều tâm huyết cho việc tăng cường kỉ cương pháp luật, cải cách thể chế hành chính, chấn chỉnh bộ máy quan lại. Trong đó, việc phòng chống các hành vi tham ô, hối lộ, thanh trừng bè lũ tham quan ô lại được nhà vua hết sức coi trọng và được thể hiện thông qua một số biện pháp sau:

1.1. Giáo dục, cảnh tỉnh trăm quan từ bỏ thói tham ô những nhiều

Lê Thánh Tông hết sức coi trọng việc giáo dục, cảnh tỉnh quan lại các cấp với mong muốn bộ máy quan chức trong triều đình chí công, vô tư, tránh xa được tệ nạn tham ô, hối lộ ở chốn quan trường.

Nhà vua đã nhiều lần dùng những lời tâm huyết để răn bảo triều thần, khuyên họ sửa đức chính, bỏ tà tâm. Ông từng nhắc nhở Thái bảo Lê Lăng nên “*cẩn thận về sau như trước, phải thanh liêm, phải công bằng*”⁽¹⁾; từng cảnh tỉnh Tả đô

(*) Tiên sĩ, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

⁽¹⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê (2004), *Đại Việt sử kí toàn thư*, tập 2, Nxb Văn hóa - Thông tin, tr. 248.

độc Lê Thọ Vực phải “hết lòng thành, bỏ lòng riêng”⁽²⁾. Lê Thánh Tông luôn hi vọng đội ngũ quan lại của mình với nhận thức sâu sắc về nghĩa vụ của kẻ bề tôi, sẽ tự gạt bỏ lòng tham, sống liêm khiết để không chỉ làm vẻ vang cho bản thân, mà còn được vinh hiển cho dòng tộc. Tháng 9 năm Quang Thuận thứ 9 (1468), nhà vua dụ Thượng thư Bộ Hộ Nguyễn Cư Đạo rằng: “Người nên hết lòng hiệp sức, gắng sức báo đền ơn nước, chí công vô tư, ngăn lấp hối lộ. Được như thế thì ta được tiếng là vua biết người, người được tiếng là tôi hết trung, vinh hiển cha mẹ, vẻ vang danh tiếng, rạng rỡ trong sử sách, nghĩ lại chẳng khoái lắm sao! Nếu không làm được như thế, thì ta là vua không biết người, mà người là tôi làm vì. Trong hai điều ấy, người chọn đường nào thì chọn”⁽³⁾.

Lê Thánh Tông luôn đề cao ý thức tự giác của quan lại trong việc tu tâm, rèn đức và biết tự sửa chữa khuyết điểm của mình để tiến bộ. Nhà vua dù biết rõ một số quan lại có hành vi tham nhũng, song vẫn cho họ cơ hội để sửa sai với hi vọng họ sẽ nhận ra lỗi lầm mà tự sửa mình, không tái phạm nữa. Tháng 12 năm Quang Thuận thứ ba (1462), vua ban sắc dụ rằng Đô đốc Nguyễn Như Hồi rằng: “*Dương Quốc Minh báo là Ngô Tây lấy 30 lạng bạc đến dứt lót cho bọn người, người sai vợ lẽ của người nhận tiền, và khi trước nó dứt lót cho cha người là Xi 50 lạng bạc, nay chuyển sang dứt lót người, cộng là 80 lạng, hiện còn ở nhà*

người, người lại không biết ư? Nay đặc sai tư lễ giám Nguyễn Áng đem sắc chỉ đến bảo người và đòi lấy số 80 lạng bạc dứt lót ấy đem về. Người có lỗi không lấy việc đổi lỗi ấy làm ngại thì tất không có tai vạ”⁽⁴⁾. Năm Quang Thuận thứ năm (1464), Lê Thánh Tông lại có dụ cảnh tỉnh Thượng thư Bộ Binh Nguyễn Vĩnh Tích như sau: “*Nay Dương Quốc Minh nói năm xưa có đem 34 lạng bạc dụ này nhưng ta tự che giấu để cho người tự đổi lỗi*”⁽⁵⁾.

Mặc dù Lê Thánh Tông từng hết lời răn bảo như vậy, nhưng những kẻ tham quan sâu mọt trong xã hội vẫn không chịu từ bỏ tà tâm của mình, để ngoài tai những lời cảnh tỉnh của nhà vua. Khuyến răn chưa đủ, Lê Thánh Tông thấy rõ cần phải dùng đến luật pháp để nghiêm trị những kẻ tham quan ô lại.

1.2. Thi hành chính sách bổng lộc để hạn chế tham ô, hối lộ

Xây dựng bộ máy quan liêu tất phải thiết lập chế độ bổng lộc. Việc làm thế nào để có được cơ chế đãi ngộ và chính sách bổng lộc hợp lý nhằm hạn chế quan lại tham ô, phạm pháp có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp trị quốc.

Cổ nhân từng nói: “*Đặt quan để làm việc, tất phải có lương bổng để nuôi, rồi*

⁽²⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd*, tập 2, tr. 263.

⁽³⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd*, tập 2, tr. 306.

⁽⁴⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd*, tập 2, tr. 257.

⁽⁵⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd*, tập 2, tr. 262.

sau mới bắt phải thanh liêm được”⁽⁶⁾. Nhận thức rõ điều đó, Lê Thánh Tông sớm thiết đặt chế độ bổng lộc cho quan viên. Trong một đạo sắc dụ ban hành vào năm Hồng Đức thứ 8 (1477), Lê Thánh Tông đã nói rõ mục đích và nguyên tắc của chế độ bổng lộc như sau: “Lộc để khuyến người có công, tùy theo công việc nặng hay nhẹ, những hoàng tộc và công thần tuy không có hạng định về phẩm tước, mà cấp lộc còn có từng bậc khác nhau, hướng chỉ các quan văn, quan võ trong kinh và ngoài các đạo chức việc không giống nhau, thì việc cấp lộc nên làm cho tỏ rõ việc nặng nhẹ, việc nhàn rỗi...”⁽⁷⁾. Năm ấy, vua Lê Thánh Tông chính thức ban hành chế độ bổng lộc cho quý tộc, quan lại bao gồm nhiều loại như lộc điền, tuế lộc (còn gọi là quan lộc) và thực hộ... Chế độ lộc điền được áp dụng để ban cấp cho các quý tộc và quan lại cao cấp từ Thân vương, Tự thân vương, Quốc công đến quan Tòng tứ phẩm. Lộc điền bao gồm thể nghiệp điền, thể nghiệp thổ, tứ điền, ruộng bãi dâu, ruộng tể. Số lượng lộc điền được cấp cho các đối tượng không giống nhau, dựa trên cơ sở phẩm trật cao hay thấp. Theo đó, Thân vương, Tự thân vương cho đến Bá tước sẽ được từ hơn 2000 mẫu cho đến hơn 600 mẫu các loại. Quan lại từ Chánh nhất phẩm đến Tòng tứ phẩm cũng được cấp các loại lộc điền (trừ thể nghiệp điền) theo các mức khác nhau từ hơn 200 mẫu đến gần 30 mẫu. Đối với quan lại tam, tứ phẩm được cấp ít lộc điền và quan lại từ

ngũ phẩm trở xuống đến tạp lưu, lại dịch không được cấp lộc điền thì sẽ được cấp bổ sung thêm phần ruộng quân điền. Theo quy định của chế độ quân điền, người được chia phần ruộng quân điền nhiều nhất là quan tam phẩm với 11 phần, tiếp đó là tứ phẩm 10 phần, ngũ phẩm 9,5 phần, lục phẩm 9 phần, thất phẩm 8,5 phần, bát phẩm 8 phần, cửu phẩm 7,5 phần, cầm y vệ tráng sĩ 7 phần, xã trưởng 6 phần... Cách phân cấp như vậy đảm bảo từ quan lại đến nha môn, lại dịch đều được hưởng sự đãi ngộ của triều đình. Đối với vấn đề nhà ở cho quan lại, triều đình còn ban hành chính sách về điền trạch. Theo đó, quan lại ở địa phương sẽ được cấp 80 thước làm đất ruộng vườn, quan lại ở trong kinh thì được cấp đất ở và đất ao đầm. Bên cạnh đó, quý tộc và quan lại cao cấp từ tước bá trở lên còn được cấp một ít thực hộ (được quyền thu thuế) hoặc nô bộc, hoặc tiền thuế muối.

Ngoài ra, quan lại thời Lê Thánh Tông còn được cấp tuế lộc (quan lộc) theo quy định thống nhất. Theo chế độ quan lộc được ban hành năm Hồng Đức thứ 8 (1477), quý tộc và quan lại từ Hoàng thái tử, Thân vương đến Tòng cửu phẩm và các chức Lại nhàn tản đều được cấp tiền bổng hàng năm, cao nhất là Hoàng thái tử được cấp 500 quan, thứ

⁽⁶⁾ Phan Huy Chú (2008), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 643.

⁽⁷⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 541 – 542.

hai là Thân vương được cấp 200 quan, thấp nhất là các chức lại nhàn tản được cấp từ 6 đến 8 quan. Số lượng tuế lộc được cấp như vậy nếu so với thời kì trước không phải là nhiều. Tuy nhiên, nếu tính chung chế độ cấp tiền bổng này cùng với các chính sách về lộc điền, quân điền, trạch điền, thực hộ... như đã đề cập ở trên thì có thể thấy chế độ bổng lộc thời Hồng Đức khá đầy đủ. Nhà sử học Phan Huy Chú đã nhận xét: “Việc định bổng lộc ở đời Hồng Đức có định quy chế phân biệt nhiều việc ít việc và sút bậc, đại khái làm cho bổng bớt đi, trật thấp xuống, không để cho ăn hại, thế gọi là quan đặt ra nhiều hơn trước mà chi phí cấp bổng so với trước cũng như thế thôi. Như đó chỉ là cấp bổng trong một năm, dầu là ít ỏi, nhưng số cấp ruộng bãi và thực tiễn về đầm thì lại là hậu lắm”⁽⁸⁾. Như vậy, chính sách đãi ngộ của Lê Thánh Tông thông qua nhiều loại bổng lộc khác nhau vừa đảm bảo “không để cho viên quan nào không có việc mà ăn không”, vừa “cân nhắc được người khó nhọc, người có tài năng, mà quyết định bổng lộc phẩm trật cho thích đáng”⁽⁹⁾. Có thể nói, việc thi hành chế độ bổng lộc tương đối hợp lí thời Lê Thánh Tông là điều kiện quan trọng giúp triều đình hạn chế phần nào tình trạng quan lại tham ô, hối lộ trong xã hội.

1.3. Xây dựng hệ thống pháp luật với nhiều quy định về phòng chống tham ô

Lê Thánh Tông rất chú trọng việc hoàn thiện hệ thống pháp luật để quản

lí xã hội. Năm Hồng Đức thứ 14 (1483), nhà vua đã cho ban hành Bộ *Quốc triều hình luật* hay còn gọi là Bộ luật Hồng Đức. Bộ *Quốc triều hình luật* với tổng cộng 722 điều có phạm vi điều chỉnh khá toàn diện, bao quát nhiều khía cạnh quản lí xã hội. Trong đó, số lượng điều luật có nội dung qui định về việc xử phạt các hành vi tham ô, hối lộ là 76 điều (chiếm hơn 10% tổng số điều luật).

Nội dung các điều luật phản ánh khá cụ thể chế tài xử phạt các hành vi, biểu hiện có liên quan đến tội tham ô, hối lộ như: việc đưa và nhận hối lộ nói chung của quan viên; việc nhận tiền của, dung túng thuộc cấp làm trái; việc đòi hối lộ, sách nhiễu tiền bạc của nhân dân; việc nhận hối lộ, xử oan sai hình ngục; việc nhận tiền của, thả lỏng quân ngũ, tha tuyển đình tráng; việc tư túi tài vật, man khai tiền nộp thuế, dân đinh; việc bớt xén, chiếm đoạt, ăn cắp tài sản công làm của tư,⁽¹⁰⁾...

Đa số các điều luật có nội dung phản ánh như trên đều quy định mức xử phạt nghiêm khắc đối với các hành vi tham ô, nhận hối lộ của quan lại. Một số điều

⁽⁸⁾ Phan Huy Chú (2008), *Lịch triều hiến chương loại chí, Sđđ*, tập 1, tr. 646.

⁽⁹⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 541 – 542.

⁽¹⁰⁾ Xem thêm: Phan Ngọc Huyền (2012), *Nghiên cứu so sánh chính sách phòng chống tham ô của Minh Thái Tổ và Lê Thánh Tông*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Đại học Vũ Hán, Trung Quốc, Bản lưu tại Thư viện Quốc gia Hà Nội (tiếng Trung).

luật đã quy định mức hình phạt tử hình đối với các trường hợp phạm tội có tình tiết nghiêm trọng. Chẳng hạn, điều 42, chương Vi chế trong *Quốc triều hình luật* quy định: “Quan ti làm trái pháp luật mà ăn hối lộ từ 1 quan đến 9 quan thì xử tội biếm hay bãi chức, từ 10 quan đến 19 quan thì xử tội đồ hay lưu, từ 20 quan trở lên thì xử tội chém”⁽¹¹⁾. Điều 101, chương Vi chế cũng quy định xử tội chết đối với hành vi nhận hối lộ, đổi trắng thay đen của các quan viên giữ nhiệm vụ điều tra: “*Những quan liêm phóng (quan mật tra) mật xét việc phải đúng sự thực, nếu sơ suất sai lầm thì bị tội biếm hoặc đồ. Nếu vì báo ân báo oán, hay hối lộ mà đổi trắng thay đen, thì không kể việc lớn hay nhỏ, ăn nhiều hay ít, đều xử tội lưu hay tội chết. Người cáo giác đúng sự thực, được thưởng chức tước tùy theo việc nặng nhẹ*”⁽¹²⁾. Những quy định như vậy cho thấy luật pháp thời Lê Thánh Tông đã có bước tiến lớn so với thời Lý, Trần trong việc pháp điển hóa các quy định về phòng chống tham ô, hối lộ.

Bên cạnh *Quốc triều hình luật*, trong một số văn bản điển chế và pháp luật khác được ban hành dưới thời Lê Thánh Tông như *Thiên Nam dư hạ tập*, *Hồng Đức thiện chính thư* cũng có một số điều khoản liên quan đến việc chống tham ô, những nhiễu của quan lại. Chẳng hạn, điều thứ 9 trong “*Mười điều về tập luật*” ban hành năm 1489 thời Hồng Đức được ghi trong “*Thiên Nam dư hạ tập*”, tập IX có qui định

như sau: “*Tự ý thu tiền của dân đình, binh lính từ 2 mạch trở lên thì phạt đánh 50 trượng, biếm ba tư; từ 5 mạch trở lên thì phạt đánh 80, đồ làm khao đình; từ 7 mạch trở lên thì xử tội đồ làm tượng phùng binh; 9 mạch thì xử đồ làm chủng điền binh, 1 quan thì xử tội lưu*”⁽¹³⁾.

Việc xây dựng hệ thống pháp luật với nhiều chế định về phòng chống tham ô chứng tỏ quyết tâm cao độ của Nhà nước thời Lê Thánh Tông trong việc sử dụng pháp luật làm công cụ đẩy lùi tệ tham quan ô lại trong xã hội.

1.4. Thiết lập cơ chế thanh tra, giám sát đối với quan lại các cấp

Giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống các cơ quan thanh tra, giám sát quan lại thời Lê Thánh Tông là Ngự sử đài⁽¹⁴⁾. Trong sắc dụ hiệu định quan chế ngày 26 tháng 9 năm 1471, Lê Thánh Tông đã nói rõ chức trách của Ngự sử đài là “*chấn chỉnh mọi sai phạm của bách quan, làm rõ mọi ẩn tình của bách tính*”⁽¹⁵⁾. *Lịch triều hiến chương loại*

⁽¹¹⁾ *Quốc triều hình luật* (Luật hình triều Lê) (1995), Viện Sử học dịch, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 74.

⁽¹²⁾ *Quốc triều hình luật* (Luật hình triều Lê) (1995), *Sđđ*, tr. 90-91.

⁽¹³⁾ Xem: Trần Ngọc Nhuận (Chủ biên) (2006), *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 300.

⁽¹⁴⁾ Xem thêm: Đào Tố Uyên, Phan Ngọc Huyền (2010), “Đài quan thời Lê sơ”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 11.

⁽¹⁵⁾ Xem: Nguyễn Ngọc Nhuận (Chủ biên) (2006), *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam*, *Sđđ*, tập 1, tr. 367.

chí của Phan Huy Chú cũng viết về quyền hạn của Ngự sử đài tương tự như sau: “Đàn hoặc các quan, nói bàn về chính sự hiện thời. Phàm các quan làm trái phép, chính sự hiện thời có thiếu sót, đều được xét hoặc trình bày...”⁽¹⁶⁾. Dưới thời Lê Thánh Tông, nhà vua đã ban nhiều sắc dụ về việc giao quyền cụ thể cho các Đài quan ngự sử trong việc phát hiện và cáo giác những trường hợp tham ô. Tháng 5 năm Hồng Đức thứ 12 (1481), nhà vua hạ lệnh cho các quan địa phương khảo xét: “Người nào trước kia có những lạm, tuy không có hình tích thực nhưng ai ai cũng biết, cùng là người liêm khiết không làm thói tham ô, kê ra từng loại tâu lên cả, giao cho Giám sát ngự sử các đạo xét lại đúng thực làm bản tâu lên, sẽ khu xử để tỏ rõ khuyến răn”⁽¹⁷⁾. Tháng 5, năm Hồng Đức thứ 15 (1484), vua có sắc chỉ cho các quan Đô đốc phủ, quan 3 ty Đô - Thừa - Hiến trong vòng 3 tháng phải kê khai rõ người nào thanh liêm, kẻ nào tham nhũng để gửi lên cho Ngự sử đài xét lại mà thi hành khu xử. Tương trợ cho Ngự sử đài ở Trung ương, các quan Hiến ty ở địa phương cũng góp phần tâu hoặc, phát hiện những vụ việc tham ô, tiêu cực của quan lại ở các nha môn, phủ huyện.

Cùng với Ngự sử đài, Lê Thánh Tông còn thiết lập Lục khoa cấp sự trung để “thẩm xét bách ty”, giám sát quan lại ở lục bộ. Các quan Đô cấp sự trung và Cấp sự trung ở Lục khoa thời Lê sơ tuy

có phẩm trật rất thấp, nhưng quyền hạn thì rất lớn. Phàm quan lại ở bách ty phạm lỗi lầm, hối lộ, những nhiều..., lục khoa đều có quyền dâng tấu hạch tội. Đây là phương thức giám sát dựa trên nguyên tắc “lấy chức nhỏ giám sát chức lớn”, “lấy trật thấp khống chế chức cao” nhằm “khiến cho lớn nhỏ dựa vào nhau, khinh trọng khống chế nhau”⁽¹⁸⁾. Lê Thánh Tông hi vọng với cơ chế thanh tra, giám sát như vậy mới có thể kịp thời phát hiện và xử lý các vụ việc tham ô của quan lại.

1.5. Xử phạt nghiêm minh các hành vi tham ô, hối lộ của quan lại

Xuất phát từ quan điểm pháp luật là “phép công” của Nhà nước và đều bình đẳng với mọi cá nhân, nên Lê Thánh Tông rất coi trọng việc xét xử các vụ án theo đúng quy định của pháp luật (đặc biệt là các vụ án liên quan đến tội trạng tham ô, hối lộ của quan lại). Nhà vua từng nói: “Đặt luật để trừ kẻ gian, sao dung được bọn coi thường pháp luật; đặt quan để dẹp mối kiện, lại thành ra tệ bán rẻ chức quan. Nếu chẳng cấm tráp cho nghiêm ngặt, sao hết được mối phân tranh”⁽¹⁹⁾. Với quan điểm như vậy, Lê

⁽¹⁶⁾ Phan Huy Chú (2008), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 585.

⁽¹⁷⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđđ*, tập 2, tr. 380.

⁽¹⁸⁾ Xem: Trần Ngọc Nhuận (Chủ biên) (2006), *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam, Sđđ*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 368.

⁽¹⁹⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđđ*, tập 2, tr. 346-347.

Thánh Tông xử lý rất nghiêm minh hiện tượng quan lại ăn của đút mà bao che, xin xỏ cho nhau. Trường hợp xử tội Thượng thư Trần Phong là một ví dụ. Tháng 10 năm Quang Thuận thứ 9 (1468), có viên quan là Lê Bô phạm tội tham tang, phải luận vào tội kinh. Thượng thư Trần Phong lại đứng ra xin cho Lê Bô được nộp tiền chuộc tội. Lê Thánh Tông bảo bầy tôi trong triều rằng: “*Trần Phong xin cho người can tội tham tang được nộp tiền chuộc, như thế thì người giàu có nhiều của đút mà khỏi tai vạ, người nghèo vì không có tiền mà chịu tội lỗi, thế là Trần Phong dám làm trái cả phép tắc tổ tông, tùy tiện tác uy tác phúc để làm hại cả nước. Vậy hạ lệnh cho pháp ty xét xử trị tội theo những luật định*”⁽²⁰⁾.

Đối với các hành vi tham ô, nhận hối lộ, dung túng việc nhận của đút của quan lại các cấp, Lê Thánh Tông đều cho nghiêm trị theo luật định, kiên quyết không dung túng. Chỉ tính riêng năm 1467, nhà vua từng phê chuẩn lệnh bắt và bãi chức đối với hàng loạt quan lại phạm những tội trên. Nhà vua đã hạ lệnh bắt Giám sát ngự sử là Quản Công Thiêm vì bị hặc tâu về việc dung túng kẻ đưa hối lộ; bãi chức của Trần điện Phó tướng quân Lê Hán Đình vì trước đã tham ô, nay lại không làm được việc; chuẩn tấu giao cho pháp ty trị tội Thượng thư Bộ Hình là Đỗ Tông Nam về tội ăn của đút; cho Thượng thư Nguyễn Vĩnh Tích ở dung vì đã nhận của đút lại còn tâu bầy⁽²¹⁾...

Chưa bàn đến mức độ xử lý nặng nhẹ ra sao, việc thi hành án nhanh chậm thế nào, song những ghi chép trong Toàn thư và Cương mục đã cho thấy Lê Thánh Tông rất chú trọng việc xử phạt nghiêm minh, đích đáng các hành vi cố ý làm trái pháp luật của bọn tham quan ô lại, nhằm răn đe những kẻ sâu một muốn lợi dụng chức quyền để tham ô, vơ vét tiền của cho bản thân mình.

2. Một vài bài học từ chính sách phòng chống tham quan ô lại của Lê Thánh Tông

Thông qua việc thi hành nhiều biện pháp khác nhau, chính sách phòng chống tham quan ô lại của Lê Thánh Tông đã thu được kết quả nhất định trong việc chấn chỉnh, ổn định triều chính; góp phần không nhỏ vào thành công của cuộc cải cách hành chính và chấn đốn quan lại nửa cuối thế kỉ XV. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, chính sách ấy trên thực tế đã không phát huy được hiệu quả lâu dài. Các đời vua Hiến Tông, Túc Tông sau Lê Thánh Tông dù vẫn tiếp nối ban hành hàng loạt các chiếu dụ về phòng chống tham quan ô lại, nhưng thói tệ vẫn không hề giảm. Đến cuối thời Lê sơ, nhìn vào chốn quan trường chỉ thấy

⁽²⁰⁾ Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Sđd, tr. 509.

⁽²¹⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê (2004), *Đại Việt sử kí toàn thư*, Sđd, tập 2, tr. 276, 280, 286, 290.

nổi lên tình trạng “*tiến dùng bề lữ tay sai, đưa mở rộng đường hối lộ*”⁽²²⁾. Tiếp đến thời Lê Trung hưng sau đó, tệ hối lộ mua quan bán tước, nạn “*sinh đồ ba quan*” mọc lên khắp nơi... Điều đó phần nào phản ánh kết cục không như mong muốn của chính sách phòng chống tham ô được thực hiện từ thời Lê Thánh Tông.

Mặc dù kết quả thu được không như mong muốn, song chính sách phòng chống tham quan ô lại của Lê Thánh Tông đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho công cuộc phòng chống tham nhũng và công tác sử dụng, quản lý cán bộ ngày nay.

Thứ nhất, cần hoàn thiện luật pháp về phòng chống tham nhũng, làm cơ sở để đấu tranh, ngăn ngừa và trừng trị các hành vi lợi dụng chức quyền để tham ô, những nhiều. Từ thời Lê Thánh Tông, luật pháp đã có nhiều quy định về chế tài xử phạt các hành vi đưa, nhận hối lộ, tham ô lãng phí, ăn cắp của công... Tuy vậy, do hạn chế của lịch sử, nội dung chế tài và việc định mức khung hình phạt trong *Quốc triều hình luật* vẫn chưa thực sự cụ thể. Có nhiều hành vi chỉ quy định mức hình phạt chung chung, dao động từ đồ, lưu hay tử tùy vào tình tiết nặng nhẹ. Các điều luật có liên quan đến xử phạt tham ô, hối lộ trong bộ luật Hồng Đức cũng nằm rải rác ở các chương, chưa được đặt thành chương mục riêng hoặc bộ luật riêng. Điều đó cho thấy cần phải xây dựng được bộ luật

riêng về phòng chống tham nhũng, đồng thời không ngừng bổ sung, hoàn thiện để bộ luật đó phù hợp với thực tiễn luôn vận động của thời đại⁽²³⁾.

Thứ hai, cần bảo đảm tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật đối với các hành vi tham ô, hối lộ. Xây dựng được hệ thống pháp luật hoàn chỉnh về phòng chống tham nhũng là yếu tố quan trọng hàng đầu. Song pháp luật được thực thi hiệu quả đến đâu mới thực sự là yếu tố có ý nghĩa quyết định. Thời Lê Thánh Tông, tuy luật có quy định hình phạt tử hình đối với hành vi tham ô, nhận hối lộ hay ăn trộm của công của quan lại, song trên thực tế, số người bị định tội chết vì hành vi đó không được chính sử nhà Lê chép cụ thể, trừ trường hợp duy nhất là Phan Tông Trinh⁽²⁴⁾. Các trường hợp khác chỉ được sử ghi lại với các hình thức xử phạt như: nhắc nhở, cảnh tỉnh (trường hợp Nguyễn Như Hồi); giảm án, tha tội chết (trường hợp Nguyễn Thụ);

⁽²²⁾ Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd*, tập 2, tr. 514.

⁽²³⁾ Tháng 11 năm 2005, Quốc hội khóa XI, kì họp thứ 8 đã thông qua Luật phòng, chống tham nhũng ở nước ta. Đây là một bước tiến lớn trong hoạt động lập pháp về phòng, chống tham nhũng ở nước ta. Song, sự biến đổi liên tục của xã hội đòi hỏi bộ luật vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

⁽²⁴⁾ Sử chép, tháng 11 năm Hồng Đức thứ 9 (1468), Lê Thánh Tông ra sắc dụ luận Phan Tông Trinh vào tội chết với lí do ăn hối lộ và thông dâm với vợ người khác. Chi tiết xin xem: Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd*, tập 2, tr. 307 - 308.

treo chức cho ở dưng (trường hợp Nguyễn Vĩnh Tích); cắt chức đuổi về quê (trường hợp Lê Hán Đình); đánh trượng, bắt đi đày (trường hợp Cao Bá Tường)... Những ghi chép trong sử cũ cho phép suy đoán rằng, Lê Thánh Tông mặc dù có quan điểm chấp pháp khá nghiêm túc, song thực tế vận dụng nó vẫn có phần nương nhẹ, chưa thực sự nghiêm khắc. Đó là hạn chế của thời đại mà chúng ta cần rút kinh nghiệm trong công cuộc phòng chống tham nhũng hiện nay: chỉ có xử lý nghiêm minh, xử lý đúng người, đúng tội, đấu tranh không khoan nhượng với các phần tử tham nhũng thì mới đảm bảo cho pháp luật chống tham nhũng phát huy được hiệu lực của nó.

Thứ ba, cần thi hành chính sách đãi ngộ hợp lý, thỏa đáng đối với cán bộ, công chức, viên chức để hạn chế phần nào tình trạng tham ô, nhũng nhiễu, cửa quyền. Chính sách bổng lộc của Lê Thánh Tông dù chưa phải mẫu mực, song vẫn được các nhà sử học đánh giá cao vì tính tương đối hợp lý của nó đặt trong bối cảnh xã hội Đại Việt thế kỷ XV. Đó là điều khiến chúng ta phải suy ngẫm để làm sao xây dựng được chế độ lương thưởng và chính sách đãi ngộ thỏa đáng (nhất là đối với cán bộ, người quản lý) nhằm hạn chế tệ nạn tham nhũng. Tất nhiên, thực hiện chính sách này còn cần phải thực hiện đồng bộ với quy trình tuyển chọn, quản lý cán bộ, đảm bảo đối tượng được hưởng đãi ngộ đúng người,

đúng việc, tương xứng với tài năng và mức độ cống hiến của họ.

Thứ tư, cần huy động đông đảo các tổ chức, lực lượng, thành phần trong xã hội cùng tham gia đấu tranh phòng chống tham nhũng. Hệ thống các cơ quan thanh tra, giám sát quan lại thời Lê Thánh Tông như Ngự sử đài, Lục khoa cấp sự trung... được quy định khá chặt chẽ về chức năng, quyền hạn trong việc làm “tai mắt” của vua để “*chấn chỉnh mọi sai phạm của bách quan*”, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi của bọn tham quan ô lại. Tuy nhiên, hệ thống ấy cũng chỉ phát huy được phần nào tác dụng của nó và trên thực tế chưa thể nắm hết được các hành vi của quan lại các cấp, đặc biệt là chưa với được tay xuống các địa phương, làng xã để giám sát bọn cường hào, lại dịch.

Từ thực tế lịch sử như vậy cho thấy, trong bối cảnh xã hội hiện nay, muốn tăng cường hơn nữa hiệu quả hoạt động của công tác thanh tra, kiểm sát quan lại các cấp, cần huy động đông đảo nhân dân cùng tham gia, tạo thành mạng lưới rộng khắp trong công cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Nói cách khác, muốn nâng cao vai trò, hiệu quả của công tác thanh tra, giám sát, ngoài việc hoàn thiện về mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của các cơ quan chuyên trách, cần xã hội hóa công tác phòng chống tham nhũng, dựa vào quần chúng để đấu tranh, ngăn ngừa các hành vi tham ô, hối lộ, nhũng nhiễu, cửa quyền.

